TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 417/2026/HNGĐ-ST;
Ngày: 04/9/2026.

Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng;
2. Ông Nguyễn Văn Ấn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Qui – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 232/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 411/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị B**, sinh năm 1993.

CCCD số: 094193012337;

Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh **Huỳnh Thanh B1**, sinh năm 1994.

CCCD số: 082094013666;

Địa chỉ: ấp B (nay là ấp T), xã V, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:*

Chị B và anh Huỳnh Thanh B1 tiến đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào năm 2023, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (cũ) vào ngày 18/9/2023. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh chị

thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không thể hàn gắn lại được. Chị B và anh B1 đã sống ly thân từ tháng 07/2025 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh B1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Minh T, sinh ngày 21/3/2024, hiện con chung đang sống chung với chị B. Ly hôn, chị B yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Thanh B1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị B là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

Về con chung: Chị B yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Minh T, sinh ngày 21/3/2024, anh B1 vắng mặt không có ý kiến, nên đề nghị giao chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con, chị B tự nguyện không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B1, yêu cầu nuôi con chung, nên xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện cư trú tại xã V, tỉnh Đồng Tháp; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn chị Trần Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Huỳnh Thanh B1 vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh B1.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị B và anh B1 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn; hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã V, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2023 ngày 18/9/2023, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị B xin ly hôn với lý do bất đồng quan điểm sống, anh chị thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không thể hàn gắn lại được. Chị B và anh B1 đã sống ly thân từ tháng 07/2025 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh B1 nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng anh B1 vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh B1 không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai người. Xét thấy hôn nhân giữa chị B và anh B1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị B ly hôn với anh B1.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Minh T, sinh ngày 21/3/2024, hiện con chung đang sống chung với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Xét anh B1 không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con chung của chị B. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T cho chị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ba K yêu cầu anh B1 cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị B, nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Ba phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B. Cụ thể:

1. Cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Huỳnh Thanh B1.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Minh T, sinh ngày 21/3/2024 cho chị Trần Thị B được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị B chưa yêu cầu anh B1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Huỳnh Thanh B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ba P chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0004592 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp; xem như chị B đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.